

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
(VIETNAM ACADEMY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY)

DỰ ÁN VIỆN TRỢ PCPNN / FNG AID PROJECT

***“Trình diễn quản lý bền vững tài nguyên rạn san hô ở vùng biển ven bờ
huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam”***

(Demonstration of Sustainable Management of Coral Reef Resources in the
Coastal Waters of Ninh Hai District, Ninh Thuan Province, Vietnam)

Chủ dự án/Executing Agency: Viện Hải dương học (IO)
Cơ quan tài trợ/Donor: Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF)
Cơ quan hợp tác/GEF Agency: Chương trình Môi trường LHQ (UNEP)
Chủ nhiệm dự án/Focal Point: PGS. TS. Võ Sĩ Tuấn

**BÁO CÁO KỸ THUẬT/TECHNICAL REPORT:
ĐIỀU TRA NGUỒN LỢI RẠN SAN HÔ
VÙNG VEN BỜ HUYỆN NINH HẢI- NINH THUẬN
THÔNG QUA THAM VẤN CỘNG ĐỒNG**

**(Survey of coral reef related resources
by using participatory method)**

**Thực hiện chuyên đề: Hứa Thái Tuyền
Võ Sĩ Tuấn
Phan Thị Kim Hồng
Phan Đức Ngại
Nguyễn Thị Tường Vi**

Nha Trang, năm 2011



Mục Lục

| | |
|---|---|
| MỞ ĐẦU | i |
| PHƯƠNG PHÁP | 1 |
| KẾT QUẢ..... | 1 |
| 1 Cơ cấu ngành nghề và năng lực tàu thuyền khai thác thủy sản ở vùng ven biển huyện Ninh Hải | 1 |
| 1.1 Cơ cấu ngành nghề..... | 1 |
| 1.2 Năng lực tàu thuyền khai thác thủy sản ven bờ huyện Ninh Hải | 2 |
| 1.3 Cơ cấu các loại nghề khai thác ở vùng ven bờ Ninh Hải..... | 4 |
| 2 Các đối tượng nguồn lợi và doanh thu..... | 5 |
| 2.1 Các đối tượng nguồn lợi..... | 5 |
| 2.2 Sản lượng và doanh thu..... | 6 |
| 3. Các môi tác động đối với nguồn lợi thủy sản ven bờ Ninh Hải | 9 |
| NHẬN XÉT | 9 |

Tóm tắt

Điều tra nguồn lợi rạn san hô vùng ven bờ huyện Ninh Hải-Ninh Thuận thông qua tham vấn cộng đồng là một trong những nguồn dữ liệu đầu tiên làm cơ sở cho việc lập kế hoạch quản lý bền vững tài nguyên rạn san hô ở vùng biển ven bờ huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Theo phương pháp này, tại mỗi thôn ven biển tiến hành tham vấn 1 nhóm gồm từ 15 đến 20 ngư dân làm nghề khai thác hải sản với nhiều loại công cụ khai thác khác nhau. Nội dung điều tra bao gồm cơ cấu ngành nghề, năng lực tàu thuyền và các hoạt động khai thác thủy sản; vùng khai thác, mùa vụ cũng như sản lượng và doanh thu từ nguồn lợi rạn san hô vùng ven bờ huyện Ninh Hải. Ngoài ra việc đánh giá các mối tác động đối với nguồn lợi rạn san hô cũng được quan tâm. Thông tin được thu thập từ 5 thôn thuộc 2 xã ven biển Ninh Hải bao gồm Xã Vĩnh Hải (thôn Vĩnh Hy, Thái An, Mỹ Hòa) và xã Thanh Hải (thôn Mỹ Tân, Mỹ Hiệp). Tham vấn được tiến hành vào ngày 13-19/3/2011.

Kết quả tham vấn cho thấy:

- Tại 5 thôn Mỹ Hòa, Thái An, Mỹ Tân 1, Mỹ Hiệp, Vĩnh Hy có 1129 hộ dân có sinh kế phụ thuộc vào nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ, chiếm 54% tổng số hộ dân tại đây. Trong số đó khoảng 50% số hộ có đời sống kinh tế phụ thuộc vào nguồn lợi rạn san hô. Thôn có nhiều người sống phụ thuộc vào rạn nhất là Mỹ Hiệp, kế đến là Mỹ Hòa.
- Tàu thuyền khai thác thủy sản ven bờ huyện Ninh Hải chủ yếu là thúng và ghe nhỏ công suất máy dưới 25CV, phù hợp với hoạt động khai thác ở vùng nước nông ven bờ. Chỉ một số rất ít tàu có công suất lớn đánh cá nổi như : thu, ngư, chuồn, com, tráp...ở vùng nước sâu hơn và chủ yếu thuộc về thôn Mỹ Tân I.
- Hiện tại có 15 loại nghề khai thác hải sản chủ yếu. Trong đó 3 nghề khai thác vùng triều là bắt trai ốc, khai thác rong mơ và đánh lưới cá giò, đĩa. 4 nghề khai thác trên rạn bao gồm pha rạn, lặn, mảnh tôm và lưới nổi. Các nghề còn lại khai thác ngoài rạn đến xa bờ.
- Có 19 đối tượng nguồn lợi được khai thác từ các nghề nói trên và 4 nguồn giống chính. Nhóm đối tượng nguồn lợi liên quan đến rạn san hô bao gồm các loại rong (Mơ, chân vịt, sụn), trai ốc cá mú, cá mó, cà giò, cá đĩa, cá nhái, cá gáy, tôm hùm.
- Tổng sản lượng khai thác các đối tượng nguồn lợi từ rạn là 305 tấn tôm, cá, trai ốc, rong các loại và 221.400 con tôm hùm giống, chiếm gần 11% tổng sản lượng khai thác thủy sản. Doanh thu từ nguồn lợi trong rạn san hô đạt 28,81 tỷ

đồng, chiếm 37,71% tổng doanh thu khai thác thủy sản. Trong số chúng, giá trị thu nhập từ tôm hùm rất cao, đạt khoảng 20 tỷ, chiếm hơn 70% tổng doanh thu từ nguồn lợi rạn.

- Trừ tôm hùm giống, sản lượng của tất cả các đối tượng nguồn lợi đều suy giảm từ 40-60% so với 5-10 năm trước đây, một số loài suy giảm đến mức cạn kiệt hoặc không còn thấy xuất hiện nữa như: ốc đụn cái, cá bẹ, bào ngư, cá mòi. Và như vậy, cần có những giải pháp cần thiết để phục hồi và tái tạo nguồn lợi, xây dựng những mô hình quản lý phù hợp nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn lợi trong tương lai. Cũng theo những thông tin thu nhận được, Vườn Quốc gia Núi Chúa đang phối hợp cùng với các tổ chức xã hội và chính quyền địa phương xây dựng qui chế cộng đồng quản lý nguồn lợi rong biển. Đây là một giải pháp tích cực nhằm giảm thiểu khai thác hủy diệt, tạo nơi sinh cư cho một số đối tượng nguồn giống thủy sản có điều kiện phát triển nhằm bổ sung nguồn lợi cho khu vực.

Executive summary

Surveys of coastal coral resources in Ninh Hai district, Ninh Thuan province by using participatory methods produced one of the first data resources to be basis for establishment of sustainable management plan of coral reef resources in coastal areas of Ninh Hai district, Ninh Thuan province. By this method, at each coastal hamlet community corresponding member investigation was done with a group of 15-20 fishermen who were working in fishery by using many different fishing tools. Participatory contents consisted of career mechanism, boat capacity and activities of marine product exploitation; exploitation areas and seasons, as well as output and turnover from coastal coral resources in Ninh Hai district. Besides assessment of impacts on coral reef resources was also concerned. Information had been collected from 5 hamlets of 2 coastal communes of Ninh Hai including Vinh Hai commune (Vinh hy, Thai An and My Hoa hamlets) and Thanh Hai commune (My Tan and My Hiep hamlets). This had been done on 13th-19th March 2011.

The results are noted below:

- At 5 hamlets My Hoa, Thai An, My Tan 1, My Hiep and Vinh Hy, 1129 households were living on livelihood depending on coastal marine resources, making up 54% of total households here. Among them, 50% of households were living depending on coral reef resources. Commune which had highest number of households living depending on coral reefs was My Hiep, the next was My Hoa.
- Coastal fishing boats mainly were coracles and small boats with motor power less than 25CV, suitable for exploitation in coastal shallow waters. Few high motor power boats used for pelagic fishing such as: mackerel, tuna, flying fish, anchovy, sea bream...in deeper waters mainly belonged to My Tan 1 hamlet.
- There were 15 main types of fishery. Among them, there were 3 tidal fishery including shellfish catching, Sargassum exploitation, white-spotted spinefoot and rock breams net fishing. 4 types of reef fisheries were reef purse net fishing, diving, shrimp lift net and floating net fishing. The rest were fisheries outside the reefs to pelagic waters.
- 19 resource organisms were exploited by the above mentioned fisheries and 4 main seed resources. The resource objects related to coral reefs consisted of seaweeds (*Sargassum*, *Gracilaria eucheumoides*, *Kappaphycus alvarezii*), shellfish, grouper, parrotfish, white-spotted spinefoot, rock breams, houndfish, emperors, lobster.

- Total production of organism exploited from reefs was 305 tons of shrimp, fish, shellfish, seaweeds and 221,400 breed lobsters, making up nearly 11% of total fishing production. The turnover from coral reef resources reached to 28.81 billion Vietnamese Dong, making up 37.71% of total turnover from fishery. In this the output from lobster was very high, reached to 20 billion Vietnamese Dong, making up over 70% of total output from reef resources.
- Except breed lobsters, the production of all resource organisms were declined from 40-60% compared with that of 5-10 years ago, some species were declined to become exhausted no longer found such as: commercial trochus, queenfishes, abalone, sardine. So it is needed to have necessary methods to rehabilitate and reproduce the resources, to build appropriate managing models in order to preserve and use sustainably the resources in future. Also by collected information, Nui Chua National Park are coordinated with social organizations and local authorities to build community regulations for management of seaweed resources. This is a positive method to minimize exterminated exploitation, to create habitats for some objects of fishery resource to develop in order to make the resources of the region supplemented.